TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀNG MAI** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **89** /*2019*/HNGĐ-ST
Ngày: 27/11/2019
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Kim Cúc - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Doãn Thành

2. Ông Nguyễn Việt Anh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thanh Vân – Thẩm tra viên, Toà án nhân dân quận Hoàng Mai - thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai - thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 724/2019/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 98/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Mai Xuân D- Sinh năm 1954(có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim O- Sinh năm 1956(vắng mặt)

Cùng hộ khẩu thường trú: Số 92, tổ 12 phường P, quận T, Hà Nội
Cùng trú tại: Số 3 ngõ 111 G, phường G, quận H, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện gửi cho Tòa án ngày 24/7/2019 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Mai Xuân Dtrình bày:***

- **Về tình cảm**: Ông và bà Nguyễn Thị Kim Okết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/11/1976 tại UBND khu Hai Bà Trưng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Đây là lần kết hôn đầu tiên của vợ chồng ông. Sau khi kết

hôn, ông, bà sống ở địa chỉ Số 92, tổ 12 phường P, quận T, Hà Nội. Đến đầu năm 2016 thì hai vợ chồng về sinh sống tại địa chỉ Số 3 ngõ 111 G, phường G, quận H, Hà Nội cho đến nay. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân là do hai vợ chồng không phù hợp về tính cách, quan điểm sống hoàn toàn khác nhau, hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện nhưng bà O hoàn toàn không thay đổi, cuộc sống hôn nhân bế tắc, không thể hòa hợp, hai vợ chồng Ông đã ly thân 10 năm nay mặc dù vẫn ở chung một nhà nhưng riêng biệt từng tầng, từng phòng, không trao đổi trò chuyện, sinh hoạt riêng.Tình trạng căng thẳng này kéo dài quá nhiều năm làm ông rơi vào trạng thái mệt mỏi, nếu cứ tiếp tục cuộc sống như vậy ông sẽ bị trầm cảm nặng. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ chung sống hạnh phúc. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thị Kim O.

- **Về con chung**: Ông D xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, ông bà có 03 con chung là Mai Phương Thảo, sinh ngày 11/9/1977; Mai Thu Huyền, sinh ngày 27/06/1981; Mai Thu Trang, sinh ngày 07/11/1992. Các cháu có sức khỏe bình thường, đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung**: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về các khoản nợ chung**: Ông D xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn là Bà Nguyễn Thị Kim Omặc dù được Tòa án tống đạt các văn bản: thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo đến Tòa án lấy lời khai, thông báo phiên họp giao nhận chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn cố tình không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không lấy được lời khai của bà Oanh và không tiến hành hòa giải được vụ án ly hôn giữa ông Mai Xuân Dvà bà Nguyễn Thị Kim O.***

Tại phiên tòa: ông D vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với bà O. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân hơn 10 năm, ông không muốn kéo dài tình trạng này thêm nữa. Ông xin ly hôn với bà O để ổn định lại cuộc sống. Về con chung, tài sản chung, nhà ở chung, ông vẫn giữ nguyên nguyện vọng như đã trình bày trong các bản tự khai. Ngoài ra, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim Ođã được Tòa án tống đạt quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của các đương sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đề xuất hướng giải quyết vụ án như sau:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành

đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Ông D và bà O phát sinh mâu thuẫn đã lâu, đã ly thân một thời gian dài, đến nay không còn tình cảm nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông D, cho ông D được ly hôn với bà Oa .

Về con chung: Ông D xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, ông bà có 03 con chung là Mai Phương T , sinh ngày 11/9/1977; Mai Thu H , sinh ngày 27/06/1981; Mai Thu T , sinh ngày 07/11/1992. Các con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không xem xét. Về tài sản chung và nhà ở chung, khoản nợ chung: ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: ông D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*** Về tố tụng**: Tại đơn xin ly hôn thể hiện bị đơn có nơi cư trú tại Số 3 ngõ 111 Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội, vì vậy, Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân gia đình trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án hôn nhân gia đình trên, Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã ra Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo đến Tòa án lấy lời khai, Thông báo phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải(2 lần), đã tống đạt trực tiếp và hợp lệ cho bà O , Bà O mặc dù nhận được tất cả các văn bản trên nhưng cố tình vắng mặt. Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bà Nguyễn Thị Kim Otheo quy định của pháp luật nhưng bà Oanh vẫn vắng mặt hai lần không có lý do. Vì vậy, Tòa án không lấy được lời khai của bà O . Bà O không đến Tòa án làm việc cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa, bà O đã tự tước bỏ quyền lợi của mình. Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét ý kiến của bà O . Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà O là phù hợp với điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*** Về quan hệ hôn nhân**:

Ông Mai Xuân Dvà bà Nguyễn Thị Kim Okết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/11/1976 tại UBND khu Hai Bà Trưng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Do vậy, hôn nhân là hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của ông D và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: quá trình chung sống, vợ chồng ông, bà đã phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, vợ chồng đã không còn thương yêu, tôn trọng và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Nếu duy trì hôn nhân cũng chỉ gây ức chế, căng thẳng cho các bên mà không đạt được mục đích là duy trì cuộc sống chung hoà thuận, hạnh phúc . Vợ chồng ông D, bà O đã ly thân được 10

năm, không ai quan tâm đến ai. Bà O không lên Tòa án để làm việc, Tòa án không thể tiến hành hòa giải được chứng tỏ bà O không có thiện chí để cải thiện mối quan hệ vợ chồng, không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn tại chính quyền địa phương. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Mai Xuân D.

*** Về con chung**: Ông D xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, ông bà có 03 con chung là Mai Phương T , sinh ngày 11/9/1977; Mai Thu H , sinh ngày 27/06/1981; Mai Thu T , sinh ngày 07/11/1992.

*** Về tài sản chung và nhà ở chung**: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

***Về các khoản nợ chung**: Ông D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Bà O không có ý kiến về tài sản, về nhà ở và công nợ của vợ chồng do vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Giành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản, nhà ở và những yêu cầu khác cho bà O khi bà O có yêu cầu.

*** Về án phí**: Ông D phải nộp 300.000đồng án phí LHST theo quy định của pháp luật.

*** Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, điều 273 bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân gia đình;

- Khoản 1 Điều 28 và các điều 35, 39, 147, khoản 1 điều 207, khoản 1 điều 227, điều 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

Xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của Ông Mai Xuân D

Ông Mai Xuân Dđược ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim O

2. **Về con chung**: Ông D và bà O có 03 con chung là Mai Phương T , sinh ngày 11/9/1977; Mai Thu H , sinh ngày 27/06/1981; Mai Thu T , sinh ngày 07/11/1992. Các con ông D và bà O đã lớn, đã lập gia đình nên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. **Về tài sản chung và nhà ở chung**: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. **Về các khoản nợ chung**: Ông D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Giành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản, nhà ở và những yêu cầu khác cho bà O khi bà O có yêu cầu.

5. **Về án phí**: Ông Mai Xuân Dphải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí ông D đã nộp tại biên lai số AA/2018/0004491 ngày 31/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Ông D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. **Về quyền kháng cáo**: Ông D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TANDTP Hà Nội; VKSNDTP Hà Nội
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Hoàng Mai;
- Chi cục thi hành án dân sự Q. Hoàng Mai;
- UBND quận Hai Bà Trưng(Giáy công nhận kết hôn số 1284 ngày 01/11/1976 của UBHC khu Hai Bà Trưng)
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Cúc

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Thanh Trì;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Thanh Trì;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Cúc

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA